| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU THÀNH**<br>**TỈNH LONG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc** |
| Bản án số: 42/2017/DS-ST<br>Ngày 08-9-2017.<br>V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản. | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Văn Thái.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Võ Văn Long.

Ông Đặng Văn Bé.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thanh Mai – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Ngọc Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2017/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2017, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2017/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 37/2017/QĐST-DS, ngày 23 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm: 1967.

Ông Nguyễn Duy T, sinh năm: 1959.

Cùng cư trú tại: Phường 26, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện theo ủy quyền:* Bà Võ Thị Thanh M, sinh năm: 1971. Cư trú tại: ấp B, xã T, huyện C, Long An. (Theo văn bản ủy quyền ngày 27/6/2017).

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Minh L, sinh năm: 1980.

Ông Trần Quốc C, sinh năm: 1980.

Cùng cư trú tại: ấp H, thị trấn T, huyện C, tỉnh Long An.

(Bà M, bà L có mặt; ông C vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 12/05/2017, đơn kiện ngày 02/6/2017 và đơn kiện bổ sung ngày 04/7/2017 của bà Nguyễn Thị Ngọc A, ông Nguyễn Duy T và những lời khai trình trước Toà, bà Võ Thị Thanh M là đại diện của nguyên đơn trình bày*: Do mối quan hệ bà con họ hàng, bà Nguyễn Thị Ngọc A và chồng ông Nguyễn Duy T có cho bà Phạm Thị Minh L và ông Trần Quốc C vay nhiều lần, cụ thể như sau: Ngày 17/10/2015 vay 900.000.000 đồng; ngày 28/12/2015 vay 300.000.000 đồng; ngày 09/5/2016 vay 400.000.000 đồng. Ngày 11/01/2016 bà A, ông T vay Ngân hàng dùm cho L, C số tiền 500.000.000 đồng, số tiền trả lãi hàng tháng cho Ngân hàng là 11.000.000 đồng. Sau đó bà L, ông C đã trả cho bà A, ông T được 150.000.000 đồng. Số tiền nợ còn lại là 1.950.000.000 đồng. Theo giấy nhận nợ ngày 01/01/2017.

Ngày 16/5/2017 cha mẹ của bà L có trả nợ thay cho bà L, ông C số tiền 1.050.000.000 đồng. Hiện nay bà L, ông C còn nợ tiền vay của bà A, ông T số tiền nợ gốc vay là 900.000.000 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L và ông C phải liên đới trả số tiền nợ vay còn thiếu là 900.000.000 đồng, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi, số tiền này trả 01 lần trong thời gian ngắn, hai bên không thỏa thuận lãi suất chậm trả khi thi hành án.

- *Bị đơn bà Phạm Thị Minh L trình bày*: Bà L thống nhất với lời trình bày của bà M về quá trình vay tiền của vợ chồng bà với bà A, ông T. Hiện nay bà và ông C còn thiếu nợ, tiền nợ gốc vay của bà A, ông T là 900.000.000 đồng. Bà đồng ý trả số nợ trên, nhưng xin trả dần vì hiện nay vợ chồng bà bị vỡ nợ, đang thiếu nợ nhiều người, bà sẽ bàn bạc với ông C bán tài sản để trả nợ.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật. Riêng đối với ông Trần Quốc C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên đề nghị áp dụng Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với ông C.

Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần buộc bà L, ông C phải liên đới thanh toán cho bà A, ông T số nợ gốc vay là 900.000.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Qua lời khai trình của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà Nguyễn Thị Ngọc A, ông Nguyễn Duy T với bà Phạm Thị Minh L và ông Trần Quốc C có phát sinh tranh chấp hợp đồng vay tài sản, việc tranh chấp và thẩm quyền giải quyết được quy định tại các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý, giải quyết theo quy định. Ông Trần Quốc C, theo xác nhận của Công an thị trấn Tầm Vu, huyện Châu Thành, ông C hiện đang có mặt tại địa phương, Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các thông báo, quyết định của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó cần áp dụng các Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với ông Trần Quốc C.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà Võ Thị Thanh M và bà Phạm Thị Minh L đã khai trình thống nhất bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Nguyễn Duy T có cho bà Phạm Thị Minh L và ông Trần Quốc C vay nhiều lần, tính đến ngày 16/5/2017 còn thiếu nợ gốc vay là 900.000.000 đồng. Hai bên thống nhất bà L có trả lãi cho bà A, ông T một thời gian nhưng không xác định được số tiền lãi đã trả và không có yêu cầu gì về tiền lãi. Bà A, ông T yêu cầu bà L, ông C có trách nhiệm liên đới thanh toán số nợ 900.000.000 đồng làm một lần trong thời gian ngắn. Bà L đồng ý trả nợ nhưng xin trả dần số nợ trên. Xét thấy yêu cầu thanh toán nợ vốn vay của bà A, ông T đối với bà L và ông C là phù hợp với quy định tại các Điều 288, 463, 466, 468 và 469 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên được chấp nhận. Bà L xin trả dần số nợ trên, yêu cầu này không được đại diện của nguyên đơn chấp nhận và không phù hợp với quy định của pháp luật nên không chấp nhận. Đối với trách nhiệm liên đới của ông C, do ông C và bà L cùng vay tiền để cùng sử dụng mua bán chung trong gia đình, số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà L, ông C, nên cần buộc bà L, ông C phải liên đới trả cho bà A, ông T số nợ vay là 900.000.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật. Khi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi phát sinh trên số tiền chậm trả, do các đương sự không có thỏa thuận lãi suất chậm trả nên tiền lãi được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Phạm Thị Minh L và ông Trần Quốc C phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội là

39.000.000 đồng (36.000.000 đ + 3.000.000 đ (3% của 100.000.000 đ). Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 227 và 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 288, 463, 466, 468 và 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Nguyễn Duy T đối với bà Phạm Thị Minh L và ông Trần Quốc C.

Buộc bà Phạm Thị Minh L và ông Trần Quốc C có trách nhiệm liên đới thanh toán nợ vốn vay cho bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Nguyễn Duy T số tiền 900.000.000 đồng. (Chín trăm triệu đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Nguyễn Duy T có đơn yêu cầu thi hành án, bà Phạm Thị Minh L và ông Trần Quốc C chưa thi hành hoàn tất số tiền phải thi hành, thì bà Phạm Thị Minh L và ông Trần Quốc C còn phải trả lãi phát sinh trên số tiền chậm trả, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Minh L và ông Trần Quốc C phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 39.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Nguyễn Duy T không phải chịu án phí. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Ngọc A đã nộp là 19.500.000 đồng, theo biên lai thu số 0007648 ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được Tòa án tống đạt hợp lệ bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**Phạm Văn Thái**